

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA**

**Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012
đã được kiểm toán**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Số 30 đường Nguyễn Du,

Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội



NỘI DUNG

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02-03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	05-29
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05-07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09-10
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	11
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	12-29

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Số 30 đường Nguyễn Du,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia được thành lập và hoạt động theo Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 58/UBCK-GPHĐKD do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 06 tháng 07 năm 2007, Giấy phép điều chỉnh số 80/GPĐC-UBCK do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 19 tháng 4 năm 2012, Giấy phép điều chỉnh số 116/GPĐC-UBCK do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 13 tháng 12 năm 2012.

Tên giao dịch bằng tiếng Anh của Công ty là: ROYAL INTERNATIONAL SECURITIES . Tên viết tắt là: IRS.

Trụ sở chính của Công ty: Số 30 đường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Thanh	Chủ tịch
Ông Đỗ Trí Vỹ	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Trọng Tuấn	Phó Chủ tịch
Ông Lê Thanh Hà	Ủy viên
Ông Đoàn Danh Hưng	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Hữu Chung	Quyền Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 29/11/2012
Ông Nguyễn Trọng Tuấn	Quyền Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 29/11/2012
Bà Ngô Hà Chi	Giám đốc tài chính	
Bà Nguyễn Thị Minh Hiếu	Giám đốc giao dịch	
Ông Phan Văn Huy	Giám đốc khối dịch vụ tư vấn	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Trần Thị Thu Hương	Trưởng ban
-----------------------	------------

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Số 30 đường Nguyễn Du,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Trần Hữu Chung

Quyền Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 01 năm 2013



Số: 393 /2013/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
của Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia**

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia được lập ngày 10 tháng 01 năm 2013, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được trình bày từ trang 05 đến trang 29 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra (theo phương pháp chọn mẫu) và áp dụng các thủ nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán (AASC)**



Nguyễn Thanh Tùng

Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: Đ0063/KTV

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2013

Dương Quân Anh

Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1686/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIASố 30 đường Nguyễn Du,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		114.083.257.767	113.947.517.519
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	78.085.493.670	79.343.840.647
111	1. Tiền		78.085.493.670	79.343.840.647
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5	91.054.400	348.532.900
121	1. Đầu tư ngắn hạn		222.469.251	530.609.977
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(131.414.851)	(182.077.077)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	6	34.114.921.908	32.806.482.885
131	1. Phải thu của khách hàng		701.250.000	-
132	2. Trả trước cho người bán		875.200.000	1.127.140.000
135	4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		43.538.471.908	42.679.342.885
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(11.000.000.000)	(11.000.000.000)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.791.787.789	1.448.661.087
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		380.762.607	11.050.226
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		18.710.502	31.778.831
154	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	7	1.387.314.680	1.398.832.030
158	5. Tài sản ngắn hạn khác		5.000.000	7.000.000
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		35.340.037.622	32.960.578.227
220	II. Tài sản cố định		1.550.116.776	2.039.326.427
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	1.076.132.524	1.533.356.895
222	- Nguyên giá		6.041.783.343	6.039.586.943
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(4.965.650.819)	(4.506.230.048)
227	3. Tài sản cố định vô hình	9	473.984.252	505.969.532
228	- Nguyên giá		1.895.149.470	1.655.149.470
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.421.165.218)	(1.149.179.938)
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	10	28.532.439.600	3.147.689.200
253	3. Đầu tư chứng khoán dài hạn		280.569.496	280.569.496
258	4. Đầu tư dài hạn khác		28.350.000.000	3.000.000.000
259	5. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(98.129.896)	(132.880.296)
260	V. Tài sản dài hạn khác		5.257.481.246	27.773.562.600
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	616.642.386	226.707.010
263	3. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	12	4.375.786.540	3.927.443.090
268	4. Tài sản dài hạn khác		265.052.320	23.619.412.500
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		149.423.295.389	146.908.095.746

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Số 30 đường Nguyễn Du,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		13.032.817.723	10.627.419.628
310	I. Nợ ngắn hạn		13.032.817.723	10.627.419.628
312	2. Phải trả người bán		-	5.225.000
313	3. Người mua trả tiền trước		106.550.000	226.800.000
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	20.143.101	16.995.536
316	6. Chi phí phải trả	14	250.294.175	722.156.149
319	8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	15	12.655.830.447	9.656.152.943
321	10. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		-	90.000
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		136.390.477.666	136.280.676.118
410	I. Vốn chủ sở hữu	16	136.390.477.666	136.280.676.118
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		135.000.000.000	135.000.000.000
414	4. Cổ phiếu quỹ		(5.715.000.000)	(5.715.000.000)
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		7.105.477.666	6.995.676.118
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		149.423.295.389	146.908.095.746

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Số 30 đường Nguyễn Du,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
			VND	VND
006	6. Chứng khoán lưu ký		213.138.590.000	196.675.300.000
007	6.1. Chứng khoán giao dịch		179.694.290.000	179.187.600.000
008	- Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký		308.200.000	268.030.000
009	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		179.386.090.000	178.896.570.000
010	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài		-	23.000.000
012	6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch		12.900.000.000	13.900.000.000
013	- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký		-	200.000.000
014	- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước		12.900.000.000	13.700.000.000
027	6.5. Chứng khoán chờ thanh toán		20.544.300.000	3.587.700.000
029	- Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước		20.544.300.000	3.587.700.000
050	7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết		40.542.170.000	26.902.430.000
051	7.1. Chứng khoán giao dịch		39.453.200.000	23.094.540.000
053	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		39.453.200.000	23.094.540.000
056	7.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch		1.088.970.000	2.507.890.000
058	- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước		1.088.970.000	2.507.890.000
071	7.5. Chứng khoán chờ thanh toán		-	1.300.000.000
073	- Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước		-	1.300.000.000

Ngô Hà Chi
Kế toán trưởng



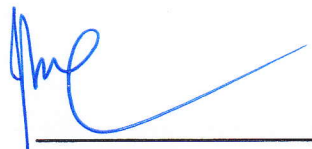
Trần Hữu Chung
Quyền Tổng Giám đốc

Lập, ngày 10 tháng 01 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2012

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
01	1. Doanh thu	17	9.734.080.773	16.523.006.840
01.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		2.779.125.433	6.500.864.921
01.2	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		129.963.269	33.727.766
01.5	Doanh thu hoạt động tư vấn		1.092.954.544	549.090.908
01.9	Doanh thu khác		5.732.037.527	9.439.323.245
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	17	-	-
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	17	9.734.080.773	16.523.006.840
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh	18	5.481.433.867	10.438.680.716
20	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		4.252.646.906	6.084.326.124
25	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	19	3.833.554.158	16.154.877.875
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		419.092.748	(10.070.551.751)
31	8. Thu nhập khác		8.386.573	87.671.351
32	9. Chi phí khác		306.160.423	302.500.000
40	10. Lợi nhuận khác		(297.773.850)	(214.828.649)
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		121.318.898	(10.285.380.400)
51	12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20	11.517.350	170.222.959
60	14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		109.801.548	(10.455.603.359)
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	21	8	(774)


 Ngô Hà Chi
 Kế toán trưởng


 Trần Hữu Chung
 Quyền Tổng Giám đốc

Lập, ngày 10 tháng 01 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIASố 30 đường Nguyễn Du,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ***(Theo phương pháp gián tiếp)***Năm 2012**

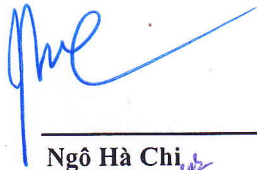
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		121.318.898	(10.285.380.400)
02	- Khấu hao tài sản cố định		801.443.591	782.264.907
03	- Các khoản dự phòng		(85.412.626)	10.831.834.493
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(5.807.287.027)	(9.383.043.031)
06	- Chi phí lãi vay		-	16.500.000
08	3. Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động		(4.969.937.164)	(8.037.824.031)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(1.293.370.694)	53.993.428.943
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho, chứng khoán đầu tư		308.140.726	324.877.703
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		2.405.398.095	(63.306.516.225)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(759.647.757)	299.045.857
13	- Tiền lãi vay đã trả		-	(16.500.000)
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(110.730.196)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		23.619.412.500	-
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(713.395.770)	(1.463.894.742)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán		18.596.599.936	(18.318.112.691)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(314.649.000)	(73.148.050)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		2.415.060	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(25.350.000.000)	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	1.488.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		5.807.287.027	9.383.043.031
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(19.854.946.913)	10.797.894.981
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	(5.715.000.000)
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		-	9.900.000.000
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		-	(9.900.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	(5.715.000.000)



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Năm 2012

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(1.258.346.977)	(13.235.217.710)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		79.343.840.647	92.579.058.357
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	4	<u>78.085.493.670</u>	<u>79.343.840.647</u>


Ngô Hà Chi
Kế toán trưởngTrần Hữu Chung
Quyền Tổng Giám đốc

Lập, ngày 10 tháng 01 năm 2013

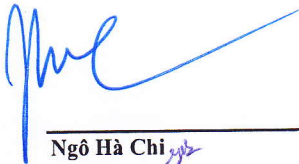
0011
CÔ
RÁCH
DỊCH
TÀI CH
K
HOÀ

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Năm 2012

Năm 2012	Thuyết minh	Đầu năm VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	Cuối năm VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		135.000.000.000	-	-	135.000.000.000
Cổ phiếu quỹ		(5.715.000.000)	-	-	(5.715.000.000)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		6.995.676.118	109.801.548	-	7.105.477.666
CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	16	136.280.676.118	109.801.548	-	136.390.477.666

Năm 2011	Thuyết minh	Đầu năm VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	Cuối năm VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		135.000.000.000	-	-	135.000.000.000
Cổ phiếu quỹ		-	(5.715.000.000)	-	(5.715.000.000)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		17.451.279.477	(10.455.603.359)	-	6.995.676.118
CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	16	152.451.279.477	(16.170.603.359)	-	136.280.676.118



Ngô Hà Chi
Kế toán trưởng



Trần Hữu Chung
Quyền Tổng Giám đốc

Lập, ngày 10 tháng 01 năm 2013

105
G T
HIỆM H
U T
KH KẾ
EM T
KIẾN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

1 . THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia được thành lập và hoạt động theo Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 58/UBCK-GPHĐKD do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 06 tháng 07 năm 2007, Giấy phép điều chỉnh số 80/GPĐC-UBCK do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 19 tháng 4 năm 2012, Giấy phép điều chỉnh số 116/GPĐC-UBCK do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 13 tháng 12 năm 2012.

Trụ sở chính của Công ty: Số 30 đường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 135.000.000.000 đồng; tương đương 13.500.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.



Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|-----------------------|-------------|
| - Phương tiện vận tải | 06 năm |
| - Thiết bị văn phòng | 03 - 07 năm |
| - Phần mềm quản lý | 03 - 07 năm |

Chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Cổ tức và trái tức nhận được trong năm tài chính được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn cổ phiếu bán ra và phương pháp đích danh để tính giá vốn trái phiếu bán ra.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán: nếu chứng khoán đã được niêm yết thì giá trị thị trường được tính theo giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) hoặc giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE);
- Đối với các khoản đầu tư dài hạn vào tổ chức kinh tế khác: mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính của tổ chức kinh tế khác.

Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

0011
CỘNG
HỢC NH
HỊCH VI
CHÍNH
KIỂM
ĐẢN KI

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại Hội đồng cổ đông thông qua, Hội Đồng Quản Trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết chia cổ tức của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

Ghi nhận doanh thu*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu về vốn kinh doanh, cổ tức và lợi nhuận được chia

Thu nhập phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận trên Báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Các khoản thuế*Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Số 30 đường Nguyễn Du,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

3 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM

	<u>Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm</u>	<u>Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm</u> VND
Của Công ty Chứng khoán	46.760	794.188.000
- Cổ phiếu	46.760	794.188.000
Của người đầu tư	143.348.283	1.316.228.111.900
- Cổ phiếu	143.348.283	1.316.228.111.900
	<u>143.395.043</u>	<u>1.317.022.299.900</u>

4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2012</u> VND	<u>01/01/2012</u> VND
Tiền mặt tại quỹ	8.660.598.614	9.980.601.412
Tiền gửi ngân hàng	56.781.225.174	59.678.735.692
Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	12.643.669.882	9.684.503.543
	<u>78.085.493.670</u>	<u>79.343.840.647</u>

Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

	Số lượng		Giá trị theo số kế toán		Tăng so với giá thị trường		Giảm so với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường	
	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm
			VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
1. Chứng khoán thương mại										
Cổ phiếu	9.101	25.084	222.469.251	530.609.977	-	7.165.700	(131.414.851)	(182.077.077)	98.220.100	348.532.900
- ACB	9.101	25.084	222.469.251	530.609.977	-	7.165.700	(131.414.851)	(182.077.077)	98.220.100	348.532.900
- BVS	21	221	476.776	5.017.502	-	-	(134.476)	(243.902)	342.300	4.773.600
- HPC	60	60	1.980.000	1.980.000	-	-	(1.272.000)	(1.446.000)	708.000	534.000
- KLS	1.597	1.597	20.893.000	20.893.000	-	-	(14.824.400)	(15.782.600)	6.068.600	5.110.400
- LHC	98	98	1.372.000	1.372.000	-	-	(539.000)	(597.800)	833.000	774.200
- PVI	2.200	10.000	48.400.000	220.000.000	-	6.820.000	-	(30.000.000)	55.220.000	190.000.000
- PVS	41	41	865.556	865.556	-	-	(242.356)	(107.056)	623.200	758.500
- PVX	45	45	879.000	879.000	-	-	(258.000)	(195.000)	621.000	684.000
- S55	36	35	700.000	700.000	-	-	(502.000)	(465.500)	198.000	234.500
- SHN	-	8.000	-	132.000.000	-	-	-	(24.000.000)	-	108.000.000
- VCG	1.485	1.485	29.700.000	29.700.000	-	-	(27.918.000)	(24.205.500)	1.782.000	5.494.500
- VCS	3.283	3.283	111.550.000	111.550.000	-	-	(83.644.500)	(82.331.300)	27.905.500	29.218.700
- DIG	40	24	525.000	525.000	-	-	(109.000)	(268.200)	416.000	256.800
- PVF	50	50	2.535.000	2.535.000	-	-	(1.895.000)	(2.015.000)	640.000	520.000
- STB	2	2	92.919	92.919	-	-	(76.119)	(78.519)	16.800	14.400
- STB	143	143	2.500.000	2.500.000	-	345.700	-	(340.700)	2.845.700	2.159.300
TỔNG CỘNG										
	9.101	25.084	222.469.251	530.609.977	-	7.165.700	(131.414.851)	(182.077.077)	98.220.100	348.532.900

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Số 30 đường Nguyễn Du,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGÂN HẠN

	Số đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ		Số khó đòi		Tổng số dự phòng đã lập	
	Tổng số VND	Số quá hạn VND	Tăng VND	Giảm VND	Tổng số VND	Số quá hạn VND	Số khó đòi VND	Số khó đòi VND	Tổng số dự phòng đã lập VND	Tổng số dự phòng đã lập VND
1. Phải thu của khách hàng										
- Phải thu dịch vụ tư vấn	-	-	1.202.250.000	380.750.000	701.250.000	-	-	-	-	-
2. Trả trước cho người bán										
- Trả trước cho Nhà cung cấp	1.127.140.000	-	-	251.940.000	875.200.000	-	-	-	-	-
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán										
- Phải thu khách hàng ứng trước tiền bán	42.679.342.885	-	284.332.570.543	283.473.441.520	43.538.471.908	-	-	-	(11.000.000.000)	(11.000.000.000)
- Phải thu về hợp đồng hợp tác đầu tư	2.068.597.285	-	283.113.352.244	282.153.845.221	3.028.104.308	-	-	-	-	-
- Phải thu về khách hàng Margin	40.605.000.000	-	-	100.000.000	40.505.000.000	-	-	-	-	(11.000.000.000)
- Phải thu khách hàng khác	5.745.600	-	1.209.213.899	1.209.213.899	-	-	-	-	-	-
			10.004.400	10.382.400	5.367.600	-	-	-	-	-
TỔNG CỘNG	43.806.482.885	-	285.534.820.543	284.106.131.520	45.114.921.908	-	-	-	(11.000.000.000)	(11.000.000.000)

Tình hình trích lập dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi:

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Số dư đầu năm	(11.000.000.000)	-
Số sử dụng trong năm	-	-
Số trích lập/hoàn nhập trong năm	-	(11.000.000.000)
Số dư cuối năm	(11.000.000.000)	(11.000.000.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Số 30 đường Nguyễn Du,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

7 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.387.314.680	1.398.832.030
	<u>1.387.314.680</u>	<u>1.398.832.030</u>

8 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị văn phòng</u>	<u>Cộng</u>
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	1.623.734.000	4.415.852.943	6.039.586.943
Số tăng trong năm	-	74.649.000	74.649.000
- Mua sắm mới	-	74.649.000	74.649.000
Số giảm trong năm	-	(72.452.600)	(72.452.600)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(72.452.600)	(72.452.600)
Số dư cuối năm	<u>1.623.734.000</u>	<u>4.418.049.343</u>	<u>6.041.783.343</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	583.414.958	3.922.815.090	4.506.230.048
Số tăng trong năm	270.622.344	258.835.967	529.458.311
- Trích khấu hao	270.622.344	258.835.967	529.458.311
Số giảm trong năm	-	(70.037.540)	(70.037.540)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(70.037.540)	(70.037.540)
Số dư cuối năm	<u>854.037.302</u>	<u>4.111.613.517</u>	<u>4.965.650.819</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số dư đầu năm	1.040.319.042	493.037.853	1.533.356.895
Số dư cuối năm	<u>769.696.698</u>	<u>306.435.826</u>	<u>1.076.132.524</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Số 30 đường Nguyễn Du,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

9 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm giao dịch, kế toán VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu năm	1.655.149.470	1.655.149.470
Số tăng trong năm	240.000.000	240.000.000
- Mua sắm mới	240.000.000	240.000.000
Số giảm trong năm	-	-
Số dư cuối năm	1.895.149.470	1.895.149.470
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư đầu năm	1.149.179.938	1.149.179.938
Số tăng trong năm	271.985.280	271.985.280
- Trích khấu hao	271.985.280	271.985.280
Số giảm trong năm	-	-
Số dư cuối năm	1.421.165.218	1.421.165.218
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số dư đầu năm	505.969.532	505.969.532
Số dư cuối năm	473.984.252	473.984.252

10 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Đầu tư chứng khoán dài hạn	280.569.496	280.569.496
- Cổ phiếu Công ty cổ phần khoáng sản Mangan (21.719 cp)	280.569.496	280.569.496
Đầu tư dài hạn khác	28.350.000.000	3.000.000.000
- Góp vốn vào Công ty CP Công nghiệp Khoáng sản Vị Xuyên	3.000.000.000	3.000.000.000
- Góp vốn vào DA xử lý nước thải Từ Sơn với công ty CP Đầu tư Xây dựng và Thương mại Phú Điền	25.350.000.000	-
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(98.129.896)	(132.880.296)
	28.532.439.600	3.147.689.200

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIASố 30 đường Nguyễn Du,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012**11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	<u>Năm 2012</u>	<u>Năm 2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Số dư đầu năm	226.707.010	469.261.843
Số tăng trong năm	602.672.573	25.856.000
Số đã kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm	(212.737.197)	(268.410.833)
Số dư cuối năm	<u>616.642.386</u>	<u>226.707.010</u>
Trong đó chi tiết số dư cuối năm bao gồm:		
	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí hoàn thiện văn phòng, hệ thống mạng	559.688.885	102.542.485
Chi phí trả trước dài hạn khác	56.953.501	124.164.525
	<u>616.642.386</u>	<u>226.707.010</u>

12 . TIỀN NỢP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	3.910.452.713	3.662.353.265
Tiền lãi phân bổ trong năm	345.333.827	145.089.825
Số dư cuối năm	<u>4.375.786.540</u>	<u>3.927.443.090</u>

13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢP NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế Thu nhập cá nhân	20.143.101	16.995.536
	<u>20.143.101</u>	<u>16.995.536</u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIASố 30 đường Nguyễn Du,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

14 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Trích trước chi phí tiền điện và thông tin liên lạc	-	60.000.000
Chi phí giao dịch phải trả HNX và HOSE	30.641.804	18.156.149
Trích trước chi phí lương thưởng cuối năm	159.652.371	600.000.000
Chi phí phải trả khác	60.000.000	44.000.000
	250.294.175	722.156.149

15 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	12.160.565	8.493.790
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	12.643.669.882	9.647.659.153
	12.655.830.447	9.656.152.943

16 . VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
NĂM 2011				
Số dư đầu năm	135.000.000.000	-	17.451.279.477	152.451.279.477
Lãi/lỗ trong năm	-	-	(10.455.603.359)	(10.455.603.359)
Mua cổ phiếu quỹ	-	(5.715.000.000)	-	(5.715.000.000)
Số dư cuối năm	135.000.000.000	(5.715.000.000)	6.995.676.118	136.280.676.118
NĂM 2012				
Lãi/lỗ trong năm	-	-	109.801.548	109.801.548
Số dư cuối năm	135.000.000.000	(5.715.000.000)	7.105.477.666	136.390.477.666

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Công ty CP Quốc Tế Hoàng Gia	5,00%	6.750.000.000	5,00%	6.750.000.000
Công ty Cổ phần SPM	5,00%	6.750.000.000	5,00%	6.750.000.000
Vốn góp của đối tượng khác	90,00%	121.500.000.000	90,00%	121.500.000.000
	100%	135.000.000.000	100%	135.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIASố 30 đường Nguyễn Du,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	135.000.000.000	135.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	135.000.000.000	135.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	135.000.000.000	135.000.000.000

d) Cổ phiếu

	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.500.000	13.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.500.000	13.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	13.500.000	13.500.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	317.500	317.500
- Cổ phiếu phổ thông	317.500	317.500
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.182.500	13.182.500
- Cổ phiếu phổ thông	13.182.500	13.182.500
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

17 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán	9.734.080.773	16.523.006.840
Trong đó:		
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	2.779.125.433	6.500.864.921
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	129.963.269	33.727.766
- Doanh thu hoạt động tư vấn	1.092.954.544	549.090.908
- Doanh thu khác	5.732.037.527	9.439.323.245
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	9.734.080.773	16.523.006.840

18 . CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	922.157.322	2.297.986.873
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	14.328.726	450.400.103
Chi phí hoạt động tư vấn	18.482.162	185.244.364
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	210.995.722	344.700.621
Chi phí dự phòng	(85.412.626)	(168.165.507)
Chi phí khác	319.561.974	175.514.781
Chi phí trực tiếp chung	4.081.320.587	7.152.999.481
- Chi phí nhân viên	1.389.316.502	2.846.434.951
- Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	155.932.872	324.401.735
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	317.519.325	332.410.476
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.825.264.765	3.420.649.159
- Chi phí khác bằng tiền	393.287.123	229.103.160
	5.481.433.867	10.438.680.716

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Số 30 đường Nguyễn Du,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

19 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.919.703.960	3.306.625.810
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	96.780.614	148.095.368
Chi phí khấu hao tài sản cố định	483.924.266	449.854.431
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dự phòng	-	11.000.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.321.167.257	1.213.717.373
Chi phí khác bằng tiền	8.978.061	33.584.893
	3.833.554.158	16.154.877.875

20 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	121.318.898	(10.285.380.400)
Các khoản điều chỉnh tăng	-	11.000.000.000
- Các khoản điều chỉnh tăng (chi phí không được trừ)	-	11.000.000.000
Các khoản điều chỉnh giảm	(75.249.500)	(33.727.766)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(75.249.500)	(33.727.766)
Tổng thu nhập tính thuế	46.069.398	680.891.834
- Thu nhập tính thuế còn lại	46.069.398	680.891.834
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất năm hiện hành	11.517.350	170.222.959
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	11.517.350	170.222.959
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	(1.398.832.030)	(1.458.324.793)
Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	-	(110.730.196)
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm	(1.387.314.680)	(1.398.832.030)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIASố 30 đường Nguyễn Du,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012**21 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	109.801.548	(10.455.603.359)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	109.801.548	(10.455.603.359)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	13.182.500	13.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	8	(774)

22 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2012		01/01/2012	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	78.085.493.670	-	79.343.840.647	-
Phải thu khách hàng	701.250.000	-	-	-
Phải thu hoạt động giao dịch chứng	43.538.471.908	(11.000.000.000)	42.679.342.885	(11.000.000.000)
Đầu tư ngắn hạn	222.469.251	(131.414.851)	530.609.977	(182.077.077)
Đầu tư dài hạn	28.630.569.496	(98.129.896)	3.280.569.496	(132.880.296)
	151.178.254.325	(11.229.544.747)	125.834.363.005	(11.314.957.373)

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán	-	5.225.000
Chi phí phải trả	250.294.175	722.156.149
Phải trả khác	12.655.830.447	9.656.152.943
	12.906.124.622	10.383.534.092

Do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan. Do đó, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Số 30 đường Nguyễn Du,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tại 31/12/2012				
Tiền và các khoản tương đương tiền	78.085.493.670	-	-	78.085.493.670
Phải thu khách hàng	701.250.000	-	-	701.250.000
Phải thu hoạt động gd chứng khoán	32.538.471.908	-	-	32.538.471.908
Đầu tư ngắn hạn	91.054.400	-	-	91.054.400
Đầu tư dài hạn	-	28.532.439.600	-	28.532.439.600
	<u>111.416.269.978</u>	<u>28.532.439.600</u>	<u>-</u>	<u>139.948.709.578</u>

Tại 01/01/2012				
Tiền và các khoản tương đương tiền	79.343.840.647	-	-	79.343.840.647
Phải thu hoạt động gd chứng khoán	31.679.342.885	-	-	31.679.342.885
Đầu tư ngắn hạn	348.532.900	-	-	348.532.900
Đầu tư dài hạn	-	3.147.689.200	-	3.147.689.200
	<u>111.371.716.432</u>	<u>3.147.689.200</u>	<u>-</u>	<u>114.519.405.632</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Số 30 đường Nguyễn Du,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u> VND	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u> VND	<u>Trên 5 năm</u> VND	<u>Cộng</u> VND
Tại 31/12/2012				
Chi phí phải trả	250.294.175	-	-	250.294.175
Phải trả khác	12.655.830.447	-	-	12.655.830.447
	<u><u>12.906.124.622</u></u>	<u><u>-</u></u>	<u><u>-</u></u>	<u><u>12.906.124.622</u></u>
Tại 01/01/2012				
Phải trả người bán	5.225.000	-	-	5.225.000
Chi phí phải trả	722.156.149	-	-	722.156.149
Phải trả khác	9.656.152.943	-	-	9.656.152.943
	<u><u>10.383.534.092</u></u>	<u><u>-</u></u>	<u><u>-</u></u>	<u><u>10.383.534.092</u></u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

23 . CÁC KHOẢN TIỀN, TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CÔNG TY NẮM GIỮ NHƯNG KHÔNG ĐƯỢC SỬ DỤNG

	<u>31/12/2012</u> VND	<u>01/01/2012</u> VND
Các khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược	12.643.669.882	9.647.659.153
	<u><u>12.643.669.882</u></u>	<u><u>9.647.659.153</u></u>

24 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

25 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận chính yếu - Theo lĩnh vực kinh doanh:

	Môi giới và dịch vụ khách hàng	Tự doanh	Kinh doanh nguồn vốn	Tư vấn	Loại trừ	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	2.779.125.433	129.963.269	5.732.037.527	1.092.954.544	-	9.734.080.773
Chi phí trực tiếp	1.564.974.919	73.184.626	3.227.812.195	615.462.127	-	5.481.433.867
Chi phí phân bổ	1.094.497.581	51.183.182	2.257.437.226	430.436.169	-	3.833.554.158
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	119.652.933	5.595.461	246.788.106	47.056.248	(297.773.850)	121.318.898
Tài sản bộ phận	78.085.493.670	28.623.494.000	32.538.471.908	701.250.000	-	139.948.709.578
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	9.474.585.811
Tổng tài sản	78.085.493.670	28.623.494.000	32.538.471.908	701.250.000	-	149.423.295.389
Nợ phải trả của các bộ phận	12.655.830.447	-	-	-	-	12.655.830.447
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	376.987.276
Tổng nợ phải trả	12.655.830.447	-	-	-	-	13.032.817.723

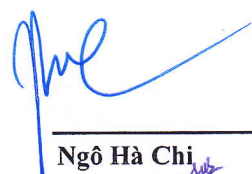
26 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm 2012</u>	<u>Năm 2011</u>
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc	409.200.000	516.000.000

27 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) kiểm toán.



Ngô Hà Chi
Kế toán trưởng




Trần Hữu Chung
Quyền Tổng Giám đốc

Lập, ngày 10 tháng 01 năm 2013